TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HOÁ** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ - ST.
Ngày: 13/01/2021
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* .

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Khắc Kiếm

Ông Nguyễn Hồng Vân

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T- sinh năm: 1993

ĐKHKTT tại: Đường H, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Địa chỉ hiện nay: Đường D, phố T, phường N, thành phố T, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Lê Mạnh D - sinh năm: 1988

ĐKNKTT tại: Đường H, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 3, phân trại số 6, Trại giam Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa hôm nay có mặt chị T, vắng mặt anh D (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và được bổ sung bằng lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Chị và anh Lê Mạnh D xây dựng gia đình với nhau năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình anh D tại Đường H, phường Đ, thành phố T được thời gian ngắn, thì chị về bên ngoại ở là do anh D phạm tội nên chị về bên ngoại ở. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được 01 năm, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng quan điểm cách sống của hai người không hợp, nên thường xảy ra to tiếng và xúc phạm nhau. Đến năm 2011 anh D phạm tội "Giết người" bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 12 năm tù và đi chấp hành án từ năm 2012 đến nay tại Trại giam Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, mặc dù anh D đi chấp hành án nhưng mẹ con chị thường xuyên lên thăm gặp và cũng thống nhất với chị đồng ý ly hôn. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chông không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Mạnh D để chị được ổn định cuộc sống.

**Anh Lê Mạnh D trình bày:* Anh cũng thống nhất như ý kiến chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn cũng như quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Vì anh đang chấp hành án nên anh không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị T và anh D thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Nhật M sinh ngày 16/12/2010. Ly hôn nguyện vọng của chị T xin được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con vì lý do anh D đang chấp hành án không có điều kiện và thu nhập. Quan điểm anh D cũng thống nhất giao cháu Minh cho chị T nuôi dưỡng vì hiện nay anh đang chấp hành án. Khi nào anh chấp hành án xong và có công ăn việc làm, thu nhập ổn định thì anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh D, xin được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có đơn xin xử vắng mặt và quan điểm của anh không đồng ý ly hôn nhưng đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh đang chấp hành án không có điều kiện và thu nhập.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát thành phố T phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Toà án và đương sự đã tuân thủ đúng theo qui định của Luật tố tụng dân

sự trong quá trình giải quyết cũng như xét xử vụ án. Về đường lối: Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án xử cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Lê Mạnh D. Về con cái: Giao cháu Lê Nhật M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản và công nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và công bố các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Huyền T có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là anh Lê Mạnh D. Do đó đây là vụ án ly hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Ngày 04/01/2021 anh Lê Mạnh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy đơn đề nghị của anh D là có lý do chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh D kết hôn năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã có thời gian ngắn hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân dẫn đến chị T xin ly hôn với anh D là do bất đồng quan điểm và cách sống của hai người không hợp, nên hay xảy ra to tiếng và xúc phạm nhau. Đến năm 2011 anh D phạm tội Giết người bị Tòa án nhân dân tỉnh xử phạt 12 năm tù nên chị T xét thấy tình cảm không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Quá trình giải quyết anh D không đồng ý ly hôn vì anh đang phải chấp hành án, nhưng anh vẫn không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẩn vợ chồng giữa chị T và anh D thực sự trầm trọng, cả hai bên không đem lại hạnh phúc cho nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn của chị T để giải quyết cho chị được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung*:* Chị T và anh D thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Nhật Msinh ngày 16/12/2010, hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi cháu. Việc anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi

dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật, bản thân chị T có việc làm đủ điều kiện nuôi cháu, nghĩ không nên chấp nhận sự tự nguyện của hai người, giao cháu Minh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Lê Mạnh D.

- Về con chung: Công nhận cháu Lê Nhật M sinh 16/12/2010 là con chung của chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Mạnh D.

Chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh D giao cháu Lê Nhật M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2018/0001694 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá (chị T đã nộp đủ án phí DSST).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. T;
- VKSND Thành phố T;
- UBND phường Đ, Thành phố T;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh